BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012 Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003) Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 19.9.19 **Giờ thi: _____** **Phòng thi: A1.11** Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810010045	Trần Nguyễn Đức	Duy	27/06/1999		6,0	Sáu không	C20QT1	
2	1810100009	Lê Huỳnh	Đức	13/01/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
3	1810100018	Trần Thị Diễm	Hằng	28/02/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
4	1810100011	Đỗ Minh	Hiếu	19/01/1997		6,0	Sáu không	C20QT1	
5	1810100006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	26/03/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
6	1810100010	Phạm Thị Yến	Linh	01/08/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
7	1810100028	Võ Hoàng	Minh	20/03/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
8	1810100005	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/06/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
9	1810100014	Trương Thanh	Nghĩa	25/02/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
10	1810100027	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/08/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
11	1810100019	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/10/2000		7,0	Bảy không	C20QT1	
12	1810100001	Nguyễn Phương	Nhung	03/06/1996		6,0	Sáu không	C20QT1	
13	1810100015	Ngô Thị Hoàng	Oanh	03/01/2000		7,0	Bảy không	C20QT1	
14	1810100004	Nguyễn Phúc	Quý	04/06/1999		5,0	Năm không	C20QT1	
15	1810100024	Lê Quốc	Tấn	16/06/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
16	1810100020	Nguyễn Văn	Thịnh	27/09/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
17	1810100025	Lê Thị Anh	Thơ	22/10/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
18	1810100013	Hồ Ngọc	Thức	05/11/1999		5,0	Năm không	C20QT1	
19	1810100007	Võ Thị Cẩm	Tiên	17/03/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
20	1810100026	Quách Tú	Trinh	20/09/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
21	1810100023	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	27/05/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
22	1810100003	Quan Bích	Vân	03/03/1999		7,0	Bảy không	C20QT1	
23	1810100012	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	28/02/2000		7,0	Bảy không	C20QT1	
24	1810100017	Châu Như	Ý	23/12/1998		7,0	Bảy không	C20QT1	
25	1810100022	Nguyễn Thị Như	Ý	30/04/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 22 tháng 10 năm 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 9 năm 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG THẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 10/10/19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810010045	Trần Nguyễn Đức	Duy	27/06/1999		5,0	Năm Không	C20QT1	
2	1810100009	Lê Huỳnh	Đức	13/01/2000		6,0	Sáu Không	C20QT1	
3	1810100018	Trần Thị Diễm	Hằng	28/02/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
4	1810100011	Đỗ Minh	Hiếu	19/01/1997		6,0	Sáu Không	C20QT1	
5	1810100006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	26/03/2000		6,0	Sáu Không	C20QT1	
6	1810100010	Phạm Thị Yến	Linh	01/08/2000		5,0	Năm Không	C20QT1	
7	1810100028	Võ Hoàng	Minh	20/03/2000		5,0	Năm Không	C20QT1	
8	1810100005	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/06/2000		8,0	Tám Không	C20QT1	
9	1810100014	Trương Thanh	Nghĩa	25/02/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
10	1810100027	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/08/2000		6,0	Sáu Không	C20QT1	
11	1810100019	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/10/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
12	1810100001	Nguyễn Phương	Nhung	03/06/1996		7,0	Bảy Không	C20QT1	
13	1810100015	Ngô Thị Hoàng	Oanh	03/01/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
14	1810100004	Nguyễn Phúc	Quý	04/06/1999		5,0	Năm Không	C20QT1	
15	1810100024	Lê Quốc	Tấn	16/06/2000		6,0	Sáu Không	C20QT1	
16	1810100020	Nguyễn Văn	Thịnh	27/09/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
17	1810100025	Lê Thị Anh	Thơ	22/10/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
18	1810100013	Hồ Ngọc	Thức	05/11/1999		5,0	Năm Không	C20QT1	
19	1810100007	Võ Thị Cẩm	Tiên	17/03/2000		8,0	Tám Không	C20QT1	
20	1810100026	Quách Tú	Trinh	20/09/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
21	1810100023	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	27/05/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
22	1810100003	Quan Bích	Vân	03/03/1999		8,0	Tám Không	C20QT1	
23	1810100012	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	28/02/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	
24	1810100017	Châu Như	Ý	23/12/1998		8,0	Tám Không	C20QT1	
25	1810100022	Nguyễn Thị Như	Ý	30/04/2000		7,0	Bảy Không	C20QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 25 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100, ___ **%**

Ngày 12 *tháng* 10 *năm* 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 12 *tháng* 10 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 19.9.19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên:
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100067	Đoàn Thị Ngọc	Ân	13/01/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	
2	1810100074	Lê Vũ	Hải	20/05/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	
3	1810100071	Nguyễn Thị Hiền	Hậu	18/03/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
4	1810100070	Phan Đăng	Huy	13/03/2000		5,0	Năm không	C20QT2	Nợ HP
5	1810100065	Đỗ Lê Đăng	Khoa	15/07/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
6	1810100061	Võ Thị Thùy	Linh	03/12/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
7	1810100062	Nguyễn Thanh	Loan	30/09/2000		9,0	Chín không	C20QT2	
8	1810100069	Nguyễn Tấn	Mãi	15/09/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
9	1810100075	Lê Mộng Thảo	Nguyên	09/09/1999		5,0	Năm không	C20QT2	
10	1810100066	Võ Thanh	Nguyên	24/07/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
11	1810100068	Lê Thị Quỳnh	Như	10/11/2000		8,0	Tám không	C20QT2	
12	1810100086	Lê Hoài	Phương	01/02/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
13	1810100081	Nguyễn Phước	Thọ	12/03/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
14	1810100080	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/07/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	
15	1810100057	Phạm Thị Ngọc	Trăm	03/01/2000		8,0	Tám không	C20QT2	
16	1810100072	Lê Thị Ngọc	Trâm	23/12/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
17	1810100060	Đào Thanh	Tuyền	30/04/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	
18	1810100059	Lê Thanh	Tuyền	19/07/2000		5,0	Năm không	C20QT2	
19	1810100085	Bùi Thị Hồng	Tươi	05/07/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 22 *tháng* 10 *năm* 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 *tháng* 9 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:29 15/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 10.10.19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100067	Đoàn Thị Ngọc	Ân	13/01/2000	Ngocan	6,0	Sáu Không	C20QT2	
2	1810100074	Lê Vũ	Hải	20/05/2000	Hải	7,0	Bảy Không	C20QT2	
3	1810100071	Nguyễn Thị Hiền	Hậu	18/03/2000	Hau	7,0	Bảy Không	C20QT2	
4	1810100070	Phan Đăng	Huy	13/03/2000	Huy	5,0	Năm Không	C20QT2	
5	1810100065	Đỗ Lê Đăng	Khoa	15/07/2000	Khoa	5,0	Năm Không	C20QT2	Nợ HP
6	1810100061	Võ Thị Thùy	Linh	03/12/2000	Linh	6,0	Sáu Không	C20QT2	
7	1810100062	Nguyễn Thanh	Loan	30/09/2000	Loan	6,0	Sáu Không	C20QT2	
8	1810100069	Nguyễn Tấn	Mãi	15/09/2000	Mãi	5,0	Năm Không	C20QT2	
9	1810100075	Lê Mộng Thảo	Nguyên	09/09/1999	Nguyên	6,0	Sáu Không	C20QT2	
10	1810100066	Võ Thanh	Nguyên	24/07/2000	Nguyên	5,0	Năm Không	C20QT2	
11	1810100068	Lê Thị Quỳnh	Như	10/11/2000	Như	10,0	Mười Không	C20QT2	
12	1810100086	Lê Hoài	Phương	01/02/2000	Phương	6,0	Sáu Không	C20QT2	
13	1810100081	Nguyễn Phước	Thọ	12/03/2000	Thọ	7,0	Bảy Không	C20QT2	
14	1810100080	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/07/2000	Tiên	7,0	Bảy Không	C20QT2	
15	1810100057	Phạm Thị Ngọc	Trăm	03/01/2000	Trăm	9,0	Chín Không	C20QT2	
16	1810100072	Lê Thị Ngọc	Trâm	23/12/2000	Trâm	5,0	Năm Không	C20QT2	
17	1810100060	Đào Thanh	Tuyền	30/04/2000	Tuyền	7,0	Bảy Không	C20QT2	
18	1810100059	Lê Thanh	Tuyền	19/07/2000	Tuyền	6,0	Sáu Không	C20QT2	
19	1810100085	Bùi Thị Hồng	Tươi	05/07/2000	Tươi	6,0	Sáu Không	C20QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100,0 **%**

Ngày 22 *tháng* 10 *năm* 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 22 *tháng* 10 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:29 15/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012 — Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003) — Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 19.9.19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11 — Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100054	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	16/07/2000		6,0	Sáu không	C20QT3	
2	1810110003	Nguyễn Ngọc	Huệ	09/07/1999		6,0	Sáu không	C20KT	
3	1810110008	Trần Thị Ái	Nhân	21/07/2000		8,0	Tám không	C20KT	
4	1810110018	Lê Thị Huyền	Nhi	23/12/2000		5,0	Năm không	C20KT	
5	1810110013	Phạm Thị Bạch	Như	09/09/1999		5,0	Năm không	C20KT	
6	1810110012	Nguyễn Anh	Thư	27/10/1999		7,0	Bảy không	C20KT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 6 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 6 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 6 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 22 tháng 10 năm 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 9 năm 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:31 15/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012 Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003) Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: 10.10.19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11 Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100054	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	16/07/2000		7,0	Bảy không	C20QT3	
2	1810110003	Nguyễn Ngọc	Huệ	09/07/1999		7,0	Bảy không	C20KT	
3	1810110008	Trần Thị Ái	Nhân	21/07/2000		9,0	Chín không	C20KT	
4	1810110018	Lê Thị Huyền	Nhi	23/12/2000		5,0	Năm không	C20KT	
5	1810110013	Phạm Thị Bạch	Như	09/09/1999		5,0	Năm không	C20KT	
6	1810110012	Nguyễn Anh	Thư	27/10/1999		6,0	Sáu không	C20KT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 6 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 6 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 6 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 22 *tháng* 10 *năm* 2019
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 22 *tháng* 10 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:31 15/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 19/9/19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A111

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100021	Bông Tấn	Đạt	01/07/2000	Thu	6,0	Sáu không	C20QT1	
2	1810100016	Nguyễn Minh	Phúc	29/11/2000		5,0	Năm không	C20QT1	
3	1810100077	Nguyễn Quỳnh Cao Kiều	Phương	18/05/2000		5,0	Năm không	C20QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 3 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 3 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 3 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ___ **%**

Ngày 01 *tháng* 11 *năm* 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 *tháng* 9 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:47 24/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 10.10.19 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** A1.11

Giám thị 1: Trương Ngọc Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100021	Bông Tấn	Đạt	01/07/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
2	1810100016	Nguyễn Minh	Phúc	29/11/2000		6,0	Sáu không	C20QT1	
3	1810100077	Nguyễn Quỳnh Cao Kiều	Phương	18/05/2000		6,0	Sáu không	C20QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 3 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 3 / _____ .
Số sinh viên đạt/không đạt: 3 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ___ **%**

Ngày 08 *tháng* 11 *năm* 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 11 *tháng* 10 *năm* 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày in: 15:47 24/10/2019

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012
Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 25/11/2019 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: Trương T N Thu Ký tên:
Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Ngô Diệu Thảo Ký tên:
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100067	Đoàn Thị Ngọc	Ân	13/01/2000			5,7	Năm bảy	C20QT2	
2	1810010045	Trần Nguyễn Đức	Duy	27/06/1999			5,9	Năm chín	C20QT1	
3	1810100021	Bông Tấn	Đạt	01/07/2000			5,4	Năm bốn	C20QT1	
4	1810100009	Lê Huỳnh	Đức	13/01/2000			5,0	Năm không	C20QT1	
5	1810100074	Lê Vũ	Hải	20/05/2000			4,7	Bốn bảy	C20QT2	
6	1810100054	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	16/07/2000			3,6	Ba sáu	C20QT3	
7	1810100018	Trần Thị Diễm	Hằng	28/02/2000			4,5	Bốn năm	C20QT1	
8	1810100071	Nguyễn Thị Hiền	Hậu	18/03/2000			5,2	Năm hai	C20QT2	
9	1810100011	Đỗ Minh	Hiếu	19/01/1997			5,2	Năm hai	C20QT1	
10	1810110003	Nguyễn Ngọc	Huệ	09/07/1999			4,1	Bốn một	C20KT	
11	1810100070	Phan Đăng	Huy	13/03/2000			3,8	Ba tám	C20QT2	
12	1810100006	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	26/03/2000			4,3	Bốn ba	C20QT1	
13	1810100010	Phạm Thị Yến	Linh	01/08/2000			6,3	Sáu ba	C20QT1	
14	1810100061	Võ Thị Thùy	Linh	03/12/2000			5,7	Năm bảy	C20QT2	
15	1810100062	Nguyễn Thanh	Loan	30/09/2000			5,3	Năm ba	C20QT2	
16	1810100069	Nguyễn Tấn	Mãi	15/09/2000			4,4	Bốn bốn	C20QT2	
17	1810100028	Võ Hoàng	Minh	20/03/2000			4,4	Bốn bốn	C20QT1	
18	1810100005	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/06/2000			6,6	Sáu sáu	C20QT1	
19	1810100014	Trương Thanh	Nghĩa	25/02/2000			7,3	Bảy ba	C20QT1	
20	1810100075	Lê Mộng Thảo	Nguyên	09/09/1999			5,6	Năm sáu	C20QT2	
21	1810100027	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/08/2000			6,1	Sáu một	C20QT1	
22	1810100066	Võ Thanh	Nguyên	24/07/2000			5,0	Năm không	C20QT2	
23	1810110008	Trần Thị Ái	Nhân	21/07/2000			7,0	Bảy không	C20KT	
24	1810110018	Lê Thị Huyền	Nhi	23/12/2000			4,0	Bốn không	C20KT	
25	1810100019	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/10/2000			4,5	Bốn năm	C20QT1	
26	1810100001	Nguyễn Phương	Nhung	03/06/1996			5,4	Năm bốn	C20QT1	
27	1810100068	Lê Thị Quỳnh	Như	10/11/2000			5,9	Năm chín	C20QT2	
28	1810110013	Phạm Thị Bạch	Như	09/09/1999			3,5	Ba năm	C20KT	
29	1810100015	Ngô Thị Hoàng	Oanh	03/01/2000			3,7	Ba bảy	C20QT1	
30	1810100016	Nguyễn Minh	Phúc	29/11/2000			3,8	Ba tám	C20QT1	
31	1810100086	Lê Hoài	Phương	01/02/2000			4,9	Bốn chín	C20QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1810100077	Nguyễn Quỳnh Cao Kiều	Phương	18/05/2000	Ph		4,5	Bốn năm	C20QT2	
33	1810100004	Nguyễn Phúc	Quý	04/06/1999			2,9	Hai chín	C20QT1	
34	1810100024	Lê Quốc	Tấn	16/06/2000			3,3	Ba ba	C20QT1	
35	1810100020	Nguyễn Văn	Thịnh	27/09/2000			4,4	Bốn bốn	C20QT1	
36	1810100081	Nguyễn Phước	Thọ	12/03/2000			4,6	Bốn sáu	C20QT2	
37	1810100025	Lê Thị Anh	Thơ	22/10/2000			4,3	Bốn ba	C20QT1	
38	1810110012	Nguyễn Anh	Thư	27/10/1999			5,6	Năm sáu	C20KT	
39	1810100013	Hồ Ngọc	Thức	05/11/1999			4,5	Bốn năm	C20QT1	
40	1810100080	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/07/2000			4,7	Bốn bảy	C20QT2	
41	1810100007	Võ Thị Cẩm	Tiên	17/03/2000			6,5	Sáu năm	C20QT1	
42	1810100057	Phạm Thị Ngọc	Trăm	03/01/2000			6,4	Sáu bốn	C20QT2	
43	1810100072	Lê Thị Ngọc	Trâm	23/12/2000			4,8	Bốn tám	C20QT2	
44	1810100026	Quách Tú	Trinh	20/09/2000			3,1	Ba một	C20QT1	
45	1810100060	Đào Thanh	Tuyền	30/04/2000			2,6	Hai sáu	C20QT2	
46	1810100059	Lê Thanh	Tuyền	19/07/2000			3,8	Ba tám	C20QT2	
47	1810100023	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	27/05/2000			5,7	Năm bảy	C20QT1	
48	1810100085	Bùi Thị Hồng	Tươi	05/07/2000			3,5	Ba năm	C20QT2	
49	1810100003	Quan Bích	Vân	03/03/1999			5,8	Năm tám	C20QT1	
50	1810100012	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	28/02/2000			3,4	Ba bốn	C20QT1	
51	1810100017	Châu Như	Ý	23/12/1998			5,9	Năm chín	C20QT1	
52	1810100022	Nguyễn Thị Như	Ý	30/04/2000			5,1	Năm một	C20QT1	

KT. TRƯỞNG KHOA

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 52 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 52 / _____.

Số sinh viên đạt: 40 **Tỷ lệ đạt:** 77 **%**

Ngày 03 tháng 12 năm 2019
P. **TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 3 tháng 12 năm 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

...AN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
...TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HEPZA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CTIM
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Anh văn chuyên ngành (K-T) - MH1104012

Mã lớp học phần: MH110401201 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 25/11/19 **Giờ thi:** 9g30 **Phòng thi:** A112

Giám thị 1: Trương T N Thu Ký tên:

Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên:

Giám thị 3: Nguyễn Đức Thọ Ký tên:

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810100065	Đỗ Lê Đăng Khoa	15/07/2000			4,1	Bốn một	C20QT2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 1 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 03 tháng 12 năm 2019
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 3 tháng 12 năm 2019
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

...ày in: 09:38 25/11/2019